| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAO LÃNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 59/2024/DS-ST
Ngày: 21-5-2024
V/v "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa:* Bà **Võ Thị Kim Hoa**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Trần Thị Nết**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Trọng Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1003/2023/TLST- DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Văn Lộc E, sinh năm 1966.

Bà Trần Thị X, sinh năm 1964

Đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn L Em là bà Trần Thị X, sinh năm 1964, theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2023.

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà X có mặt, bà M vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị X đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn L Em trình bày:***

Bà Võ Thị M có đến hỏi mượn tiền của ông Võ Văn Lộc E và bà Trần Thị X để trả nợ ngân hàng. Ông Lộc E và bà X không có tiền nhưng thấy hoàn cảnh của bà M khó khăn, bà M cũng năn nỉ ô nên ông Lộc E và bà X đi vay tiền ở chỗ khác để đưa cho bà M. Ông Lộc E và bà X vay bên ngoài với mức tiền lãi là 2.000 đồng/01 ngày/10.000.000 đồng. Bà M đồng ý nên ông Lộc E và bà X vay dùm cho bà M và hẹn vài ngày sẽ trả.

Ngày 20/3/2018, bà M đến nhà ông Lộc E và bà X nhận số tiền 380.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì bà M không trả tiền, cũng không đóng tiền lãi. Ông Lộc E và bà X đã phải trả dần nợ gốc và lãi thay cho bà M. Đến nay vẫn còn nợ, chủ nợ kiêu giang hồ đến đòi, chửi bới thô tục, xúc phạm gia đình ông Lộc E và bà X, gia đình càng thêm khó khăn.

Thời gian qua, ông Lộc E và bà X có tìm gặp bà M để nói chuyện, yêu cầu trả số tiền nợ nhưng bà M không trả, con bà M thì hâm dọa và nhiều lần cầm ghế đánh ông Lộc E.

Thời gian sau các bên xảy ra tranh chấp đất nên bà M có làm đơn gửi địa phương hòa giải. Tại biên bản hòa giải ngày 27/11/2020, ông Lộc E và bà X có yêu cầu bà M trả số tiền 380.000.000 đồng. Hòa giải không thành, bà M chỉ thừa nhận nợ của ông Lộc E, bà X 210.000.000 đồng. Số tiền bà M thừa nhận không đúng với số tiền mà ông Lộc E và bà X đã đưa cho bà M.

Nay ông Võ Văn Lộc E và bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị M trả số tiền vốn 380.000.000 đồng, yêu cầu tính trả tiền lãi với lãi suất theo quy định pháp luật (tức là 0,83%/tháng) từ ngày 20/3/2018 đến khi giải quyết xong trả nợ xong. Tạm tính từ ngày 20/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 62 tháng 01 ngày với số tiền là 195.653.000 đồng. Tổng số tiền bà M phải trả cho ông Lộc E và bà X là 575.653.000 đồng.

Đối với bị đơn là bà Võ Thị M đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

- 01 Biên bản hòa giải không thành ở cơ sở ngày 27/11/2020 (Bản sao y chứng thực);

- Hợp đồng ủy quyền ngày 19/12/2023;

- Đơn kháng cáo (bản photo);

- Bản án dân sự 184/2023/DS-ST ngày 18/9/2023;

Tòa án đã thông báo cho bị đơn bà Võ Thị M biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ xử nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Lộc E và bà Trần Thị X về việc yêu cầu bà Võ Thị M có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 380.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 195.653.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn bà Võ Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến đến lần thứ tư nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên (380.000.000 đồng và tiền lãi) thì ông Lộc E, bà X không tranh chấp số tiền nào khác và số tiền này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1]. Đối với yêu cầu của ông Võ Văn Lộc E và bà Trần Thị X về việc yêu cầu yêu cầu bà Võ Thị M trả số tiền còn nợ là 380.000.000 đồng,

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà X trình bày, vào ngày 20/3/2018 bà M có vay của ông Lộc E, bà X số tiền là 380.000.000 đồng, mục đích vay để trả nợ ngân hàng, thỏa thuận khi trả tiền ngân hàng xong, bà M sẽ xoay sở để trả lại cho ông Lộc E, bà X. Khi vay không có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/01 ngày/10.000.000 đồng. Bà X chứng minh bằng biên bản hòa giải ngày 27/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C. Hội đồng xét xử xét thấy, biên

bản hòa giải mà nguyên đơn cung cấp có nội dung bà M có thừa nhận "có mượn nợ của ông Lộc E số tiền mặt 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng)". Việc bà M thống nhất biên bản và ký tên là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, xác định việc các bên có xác lập hợp đồng vay tiền là có thật. Sau khi vay thì bà M đã không thực hiện đúng việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận và ông Lộc E, bà X đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà M không vẫn không trả.

Tuy nhiên, bà M chỉ thừa nhận có nợ ông Lộc E số tiền 210.000.000 đồng tại buổi hòa giải ngày 27/11/2020. Như vậy, việc ông Lộc E, bà X trình bày đã cho bà M vay số tiền 380.000.000 là không phù hợp với pháp luật, không có chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, việc ông Lộc E, bà X khởi kiện yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả cho ông Lộc E, bà X số tiền tiền còn nợ là 3800.000.000 đồng là không có căn cứ nên chấp nhận một phần.

[4.2] Đối với yêu cầu của ông Lộc E, bà X yêu cầu bà M trả số tiền lãi đối với số tiền 380.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) tạm tính tính từ ngày 20/3/2018 ngày xét xử với số tiền là 195.653.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận vay tiền giữa ông Lộc E, bà X, bà M không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất cũng như không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Như vậy, bên chậm thực hiện nghĩa vụ phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày phát sinh tranh chấp (ngày nộp đơn khởi kiện). Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 20/3/2018 tạm tính đến ngày 21/5/2024 với số tiền 195.653.000 đồng là không phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của bà M với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 02/10/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/5/2024), cụ thể: 0,83%/tháng x 07 tháng 19 ngày x 210.000.000 đồng = 13.305.000 đồng.

Đồng thời, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Lộc E, bà X), cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn (ông Lộc E, bà X) nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn (bà M). Tuy nhiên, bị đơn (bà M) vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn (ông Lộc E, bà X).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lộc E, bà X. Bà M có trách nhiệm trả cho ông Lộc E, bà X số tiền còn nợ là 210.000.000 đồng, tiền lãi là 13.305.000 đồng, tổng số tiền là 223.305.000 đồng.

[5] Về án phí:

Do chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn nên bà M phải chịu 11.165.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (223.305.000 đồng x 5%).

Ông Lộc E, bà X liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận (575.653.000 đồng – 223.305.000 đồng = 352.348.000 đồng x 5%) số tiền là: 17.617.400 đồng. Do bà X được miễn tiền án phí nên ông Lộc E phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 8.808.700 đồng (17.617.400 đồng/2 = 38.808.700 đồng) và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 9.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000785 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy ông Lộc E, bà X được nhận lại số tiền 691.300 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Lộc E và bà Trần Thị X.

Buộc bà Võ Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn Lộc E và bà Trần Thị X số tiền vốn vay là 223.305.000 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Võ Thị M phải chịu 11.165.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị X được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông Võ Văn L Em phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 8.808.700 đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 9.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0000785 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy ông Lộc E, bà X được nhận lại số tiền 691.300 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa**

**Đã ký**

**Võ Thị Kim Hoa**